

**THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ LAO ĐỘNG - VIỆC LÀM  
CỦA QUẬN CÁI RĂNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

*ThS. Võ Minh Sang, ThS. Đoàn Hoài Nhân,  
ThS. Nguyễn Huỳnh Phước Thiện, ThS. Thái Ngọc Vũ<sup>1</sup>*

**MỞ ĐẦU**

Đô thị hóa là quá trình phát triển tất yếu của hầu hết các quốc gia, các dân tộc do đòi hỏi và yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội và phù hợp với tình hình phát triển chung của thế giới. Quá trình đô thị hóa tác động đến nhiều lĩnh vực: kinh tế, xã hội, văn hóa, tâm lý và chúng tác động sâu rộng ở nhiều khía cạnh khác nhau như: (1) Thay đổi tập quán sinh hoạt (do giới hạn diện tích nhà ở, sinh hoạt, sự bố trí không gian sống), (2) Sự thay đổi trong lối sống, và (3) Sự thay đổi về việc làm, nghề nghiệp, cơ cấu lao động (do sự chuyển đổi về cơ cấu ngành nghề của quá trình đô thị hóa tạo ra). Trong số những tác động được đề cập của đô thị hóa, thì vấn đề an sinh, lao động – việc làm của người dân được đặc biệt quan tâm mà cụ thể trong đó là khả năng thích ứng với nghề nghiệp, việc làm trong điều kiện, môi trường sống của đô thị hóa.

**Tổng quan về dân số - lao động - việc làm của quận Cái Răng, Cần Thơ**

Dân số quận Cái Răng từ khi có quyết định thành lập năm 2004: 78.004 người, sau 06 năm lên đô thị, dân số tăng lên đến 87.423 người, tăng 12,08%. Trong đó, các phường có dân số tăng cao được kể đến là Phú Thứ (tăng từ 12.781 lên 18.070 người), Lê Bình (từ 13.968 lên 15.764 người), kể đến Thường Thạnh, Hưng Thạnh,... dân số cũng gia tăng đáng kể). Việc tăng dân số ở hầu hết các phường trên địa bàn do: (1) hình thành các khu dân cư, khu tái định cư, (2) nhập cư đến đầu tư, mở rộng kinh doanh và học hành và (3) tăng dân số tự nhiên. Quận Cái Răng hiện đang trong giai đoạn đặc điểm “**dân số vàng**” nằm trong độ tuổi lao động và chuẩn bị bước vào tuổi lao động với tỷ lệ áp đảo hơn 79% trên tổng số người nằm trong độ tuổi lao động (từ 15- 55 tuổi), cho thấy tiềm năng thị trường cung lao động khá lớn, nhưng trình độ, kiến thức nhìn chung còn khá khiêm tốn. Trong đó, tỷ lệ có trình độ từ phổ thông cơ sở trở lên chiếm 35,6%, từ phổ thông trung học trở lên khoảng 14,7%.

Đô thị hóa đã tác động đến lao động trong lĩnh vực nông nghiệp cũng có xu hướng giảm từ năm 2004 – 2010. Cụ thể, lao động trong lĩnh vực nông nghiệp giảm từ 37.831 người xuống 29.945. Khi đó, lao động phi nông nghiệp tăng từ 40.173 người lên 57.477 người, góp phần gia tăng khoảng cách chênh lệch giữa lao động trong lĩnh vực nông nghiệp - phi nông năm 2004: 94,17% đến năm 2010 tỷ lệ này là: 52,09%. Xét theo khu vực kinh tế, cho thấy tỷ lệ số người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm khoảng 52,56% (tỷ lệ trung bình trong 05 năm từ 2006-2010), vẫn còn ở mức cao.

**Việc làm hiện tại**, thống kê từ dữ liệu của chương trình nghiên cứu hiện trạng việc làm, thất nghiệp năm 2010 của Phòng LĐTĐBXH Cái Răng phản ánh tỷ lệ dân số nằm trong độ tuổi lao động ở mức 67%, còn một tỷ lệ khoảng 33% chưa sẵn sàng tham gia thị trường lao động. Số người trong độ tuổi lao động có tham gia lao động và có việc làm chiếm tỷ lệ cao (trên 99% có việc làm). Đặc biệt nhóm tuổi lao động chính (từ 31- 55 tuổi), có việc làm là 99,5%. Công việc giản đơn, không có tay nghề chuyên môn chiếm tỷ lệ cao nhất (36,6%).

**Thất nghiệp trong độ tuổi lao động**, chiếm khoảng 33% số người nằm trong độ tuổi lao động,

<sup>1</sup> Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Tây Đô.

## THÀNH TỰU HOẠT ĐỘNG KH&CN

nhưng không tham gia hoạt động kinh tế, không có việc làm (sức khỏe, không đủ khả năng đáp ứng yêu cầu lao động, đang đi học). Trong số đó, có đến 23% nằm trong nhóm tuổi 31-55 tuổi và 35,96% trong độ tuổi từ 15-31 tuổi và tập trung cao nhất là 57,69% rơi vào nhóm lao người mù chữ. Kết quả nghiên cứu 18.420 người không tham gia lao động/ hoạt động kinh tế<sup>2</sup> có đến 73,57% là nữ giới (khả năng tham gia thị trường lao động hạn chế về sức khỏe, hoàn cảnh gia đình, học vấn, trình độ chuyên môn). Trong số đó, 32,2 % nằm trong độ tuổi lao động từ 31- 50 tuổi và rơi hầu hết vào nhóm có trình độ thấp từ trung học cơ sở trở xuống, chiếm gần 85% và chưa qua đào tạo chính quy là 75,07%, do vậy họ làm công việc nội trợ, phụ giúp gia đình (45,83%), số còn lại đang đi học (22%). Trong đó, khoảng 24,23% rơi vào trường hợp khác, đây có thể là những trường hợp thất nghiệp tạm thời, khả năng đáp ứng yêu cầu lao động thấp,... Tác động kéo theo của đô thị hóa đến vấn đề lao động nữ cần được quan tâm, bởi họ là đối tượng ít có khả năng, cũng như khả năng đáp ứng yêu cầu công việc phi nông nghiệp ở mức thấp do cả các nguyên nhân chủ quan (trình độ học vấn, trình độ chuyên môn thấp), khách quan (hoàn cảnh gia đình, chăm lo gia đình, sức khỏe,...). Ngoài ra, vấn đề lao động cho nữ giới không chỉ đơn thuần là công việc làm, thu nhập mà còn có ý nghĩa về mặt xã hội, phụ nữ tham gia vào hoạt động xã hội (thông qua công việc), cập nhật và nâng tầm tri thức, qua đây góp phần nâng cao trình độ học vấn, tri thức cho gia đình - xã hội.

### **Tác động của đô thị hóa đến đời sống dân cư và lao động – việc làm**

Kết quả phân tích định hình 04 nhóm dân cư có nhận thức về sự tác động của đô thị hóa đến đời sống, việc làm như sau: (1) Đô thị hóa sẽ làm cuộc sống phức tạp, chênh lệch xã hội ngày càng tăng, (2) Đô thị hóa sẽ làm thay đổi cuộc sống gia đình, (3) Đô thị hóa sẽ là gánh nặng đối với người dân nông thôn và (4) Đô thị hóa là xu hướng phát triển tất yếu của xã hội. Kết quả kiểm định về mức độ nhận thức tác động của đô thị hóa trong từng nhóm cho thấy ở nhóm 1 (.Sig= 0,016 < 0,1 độ tin cậy 90%), nhóm 3 (.Sig= 0,027 < 0,1 độ tin cậy 90%), có sự khác biệt có ý nghĩa. Đối với nhóm 1, nhận thức sự tác động của đô thị hóa: Đô thị hóa sẽ làm cuộc sống phức tạp, chênh lệch xã hội ngày càng tăng, có sự khác biệt giá trị của nhận thức về tác động của đô thị hóa (.Sig= 0,014 < 0,1) giữa nhóm hộ gia đình có hiện trạng nhà đất là [đất trồng cây lâu năm] với nhóm gia đình có tình trạng nhà đất là [đất nằm trong khu quy hoạch treo]. Kết quả này cho thấy sự bất ổn trong cuộc sống gia đình nằm trong khu quy hoạch treo hay là đất nông nghiệp, đất trồng cây lâu năm trong vùng của khu vực đất ở đô thị, bởi sẽ bị hạn chế về khả năng chuyển đổi và sang nhượng. Với nhóm 3, nhận thức sự tác động của đô thị hóa: ***Đô thị hóa sẽ là gánh nặng đối với người dân nông thôn***, có sự khác biệt về giá trị trong nhận thức về tác động của đô thị hóa (Sig.= 0,065 < 0,1) giữa nhóm hộ gia đình có hiện trạng nhà đất là [đất đô thị] với nhóm gia đình có tình trạng nhà đất là [đất nằm trong khu quy hoạch treo]. Kết quả này cho thấy sự tác động và chênh lệch về đời sống mưu sinh cho những hộ gia đình không may nằm trong khu vực quy hoạch treo/quy hoạch cho công trình công cộng, khó sang bán với giá cao, cũng không yên tâm đầu tư canh tác.

Kết quả nghiên cứu, định hình 03 nhóm dân cư chính chịu tác động của đô thị hóa: (1) nhóm bị ảnh hưởng lớn về đời sống sinh hoạt, (2) nhóm gia đình sinh sống chủ yếu dựa vào đất nông nghiệp, (3) nhóm tận dụng được cơ hội từ đô thị hóa. Kết quả kiểm định về mức độ tác động của đô thị hóa trong từng nhóm cho thấy sự khác biệt về hiện trạng nhà đất, khác biệt về phương sẽ tác chịu mức độ tác động khác nhau từ đô thị hóa đến đời sống dân cư , cụ thể:

---

<sup>2</sup> Nguồn: Xử lý từ dữ liệu việc làm - thất nghiệp của PLĐTBXH quận Cái Răng.

## **THÀNH TỰU HOẠT ĐỘNG KH&CN**

Nhóm 1, *Đô thị hóa là cơ hội phát triển cuộc sống*, (Sig.=0,015 < 0,1 độ tin cậy 90%) có tồn tại sự khác biệt về trung bình mức độ tác động của nhóm hộ gia đình có hiện trạng nhà đất nằm trong khu quy hoạch (trung bình=2,56) và những hộ gia đình có hiện trạng nhà đất là đất ở đô thị (trung bình=3,46). Và cùng trong nhóm này sự khác biệt về vị trí địa lý cũng có sự khác biệt, cụ thể những hộ gia đình ở Lê Bình (trung bình=3,85) và Tân Phú (trung bình=3,08) chịu mức độ tác động khác nhau có ý nghĩa thống kê.

Ngoài ra, sự khác biệt về vị trí địa lý, còn có tác động khác biệt trong nhóm 2, *Đô thị hóa làm cuộc sống nông dân khó khăn hơn*, xảy ra ở các phường Tân Phú (trung bình=3,45) và Hưng Phú (trung bình=3,39) khác với Ba Láng (trung bình=2,57). Kết quả thống kê cho thấy, những khu vực với tốc độ đô thị hóa nhanh, mạnh mẽ hơn như: Hưng Phú, Tân Phú thì đời sống của nông dân gặp nhiều khó khăn hơn và chịu áp lực đô thị hóa nhiều hơn.

### **Tương thích cung – cầu lao động trên địa bàn**

Kết quả nghiên cứu thực trạng sử dụng lao động ở 30 doanh nghiệp trên địa bàn và từ dữ liệu thống kê của Phòng thống kê Cái Răng cùng với dữ liệu việc – thất nghiệp của Phòng LĐTBXH Cái Răng, cho thực trạng cung lao động trên địa bàn như sau:

**Cung về số lượng**, trong 87.423 người (năm 2010) thì tỷ lệ số người nằm trong độ tuổi lao động (từ 15 tuổi trở lên) chiếm 67,62% (ước đạt: 59.114 người), so với Cần Thơ khoảng 65%<sup>3</sup>, Dự báo đến 2020, tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động/dân số của Quận là 70%.

**Về trình độ học vấn**, lao động trong độ tuổi đã tốt nghiệp phổ thông trung học khoảng 5.872 người, chiếm 16% trên tổng số, còn lại phần lớn là tốt nghiệp tiểu học (tỷ lệ 43%), trung học cơ sở (tỷ lệ 22%) và khoảng 2% (740 lao động) mù chữ.

**Trình độ chuyên môn kỹ thuật**, 85% chưa qua đào tạo và không bằng cấp, chỉ 3,61% có trình độ đại học. Kết quả này cho thấy chất lượng tay nghề chuyên môn của đội ngũ lao động của Quận rất thấp. Trong đó, nam chiếm gần 60% tỷ lệ chưa qua đào tạo.

**Thực trạng các đơn vị tham gia đào tạo nghề cho người lao động** trên địa bàn được đánh giá đáp ứng được yêu cầu trong đào tạo, với các đơn vị điển hình: (1) Trường Đại học Tây Đô, năng lực đào tạo bậc trung cấp: 1.000-1.500 học viên/năm: gồm các ngành như: Dược sĩ, Điều dưỡng, Quản trị kinh doanh, Kế toán, tài chính ngân hàng, Quản trị hành chính văn phòng., (2) Trung tâm đào tạo nghề lái xe ô tô các loại (02 trung tâm): năng lực khoảng 500-1.000 học viên/năm, (3) Hợp tác xã có tham gia dạy nghề với khoảng 100 học viên/năm. Đào tạo các nghề liên quan đến thủ công mỹ nghệ, chủ yếu tập trung lao động nữ. Dự kiến quy mô các trường phát triển khoảng 20% cho các năm sau và với đặc điểm của Quận ven đô gần trung tâm thành phố Cần Thơ, thì việc tiếp cận học tập đến các đơn vị khác là không khó.

**Liên quan đến hoạt động đào tạo, đề tài tiến hành nghiên cứu 25 doanh nghiệp (cơ sở) sản xuất - kinh doanh có tổ chức nhận học viên học nghề** (đào tạo theo kiểu truyền nghề) trên địa bàn phường Lê Bình (cơ cấu mẫu chiếm 60%), Ba Láng (24%) và còn lại là Phú Thứ, Thường Thạnh, Hưng Thạnh. Mẫu được chọn theo phương pháp thuận tiện, dễ tiếp cận, trong khoảng thời gian nhàn rỗi và đối tượng cung cấp thông tin chủ yếu là chủ cơ sở/ đại diện cho cơ sở (làm việc lâu năm, có mối quan hệ mật thiết với với chủ cơ sở), trong đó nam chiếm 52% trên tổng thể. Kết quả có 36% hoạt động trong lĩnh vực trang điểm, làm tóc; 24% sửa xe (gắn máy, xe ô tô) chiếm đa số và đây cũng chính là nhóm ngành nghề có khuynh hướng nhận học viên học nghề nhiều nhất. So song đó, đề tài tiến hành nghiên cứu 30 học viên học nghề để đánh giá hiệu quả của hoạt động

<sup>3</sup> Nguồn: Báo cáo tổng hợp kết quả khoa học công nghệ đề tài: “Đánh giá lực lượng lao động nông thôn và đề xuất giải pháp đào tạo nghề cho lao động nông thôn TP Cần Thơ”, chủ nhiệm ThS. Trương Thị Ngọc Chi. 2012.

## THÀNH TỰU HOẠT ĐỘNG KH&CN

đào tạo này. Mẫu tập trung ở: (1) Lê Bình (cơ cấu mẫu 60%), (2) Ba Láng (26,3%), còn lại 13,3% ở Thường Thạnh. Trong đó, tỷ lệ nam chiếm 56,7%, mẫu tập trung ở 2 nghề sửa xe (33,3%) và làm tóc, trang điểm (30,0%) chiếm tỷ lệ cao trong số các nghề còn lại như trang điểm, làm sàn gỗ, cơ khí,... Kết quả như sau:

- Quy mô tổ chức đào tạo nhỏ, số lượng đào tạo không nhiều, cách truyền nghề chủ yếu dựa vào kinh nghiệm của người chủ và các thợ lành nghề trong cơ sở truyền lại, mang tính chất cầm tay chỉ việc, học đến khi nào thạo nghề thì ra nghề. Do vậy, được học viên ghi nhận đánh giá cao về nội dung đào tạo và môi trường thực hành nghề nghiệp tốt. Trong khi đó, các yếu tố liên quan phụ trợ cho hoạt động đào tạo như: cơ sở vật chất, trợ huấn cụ, không gian, phương pháp sư phạm chưa được đánh giá cao.

- Xu hướng mở rộng, phát triển đào tạo của các cơ sở kinh doanh – truyền nghề không cao do hạn chế về nguồn lực và khả năng tổ chức, quản lý đào tạo và đội ngũ truyền nghề còn hạn chế mặc dù năng lực của chủ cơ sở khá cao có thể đáp ứng yêu cầu về đào tạo tay nghề.

- Các cơ sở truyền nghề không nắm bắt và biết các thông tin hỗ trợ từ phía nhà nước về đào tạo cũng nhưng chưa từng thừa hưởng được chính sách hỗ trợ từ phía nhà nước đối với hoạt động đào tạo nghề. Đối với người học nghề tựu trung ý kiến xoay quanh hỗ trợ về tài chính trang trải học phí.

- Điều kiện tham gia học nghề không ràng buộc nhiều và không khó để đáp ứng. Đặc biệt học viên có thể có thu nhập khi đang trong quá trình học nghề nếu tay nghề tương đối vững, có thể tạo ra sản phẩm. Đây là nguyên nhân tác động lớn thu hút học viên chọn học nghề theo phương thức truyền nghề, bởi phù hợp với hoàn cảnh gia đình, khả năng tài chính, kiến thức, năng lực tiếp thu và tính linh hoạt trong học tập (không ràng buộc về thời gian,...).

- Tỷ lệ thành thạo nghề và làm việc trên nghề được đào tạo khá cao và phần lớn đều có việc làm đúng với nghề được đào tạo. Học viên học nghề đánh giá khả năng tìm việc cao (tỷ lệ 73,3%) và kỳ vọng thu nhập từ nghề đã học ở mức khá (trên 3,5 triệu/tháng) và triển vọng phát triển nghề nghiệp khá cao. Nhìn chung học viên hài lòng với phương thức đào tạo này và có đến 66,7% có thu nhập trong lúc học nghề, và tỷ lệ học viên dự định mở ra kinh doanh riêng sau khi lành nghề chiếm 56,7%, tiếp tục hành nghề tại cơ sở chiếm 36,7%

- Về năng lực, khả năng tiếp thu được đánh giá ở mức khá, thái độ học tập, thái độ đối với nghề nghiệp khá nghiêm túc. Kết quả đào tạo theo nhận định của học viên là đạt yêu cầu ở mức lành nghề với bậc nghề từ bậc trung đến cao chiếm tỷ lệ chi phối.

Như vậy phương thức đào tạo nghề theo kiểu truyền nghề thời gian qua triển khai trên địa bàn đạt được những kết quả đáng ghi nhận và cần được nghiên cứu đề xuất áp dụng cho đối tượng thanh niên địa phương có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hạn chế về trình độ học vấn và các đối tượng gia đình nông thôn chịu sự tác động của đô thị hóa, có nhu cầu học nghề, thay đổi nghề nghiệp để phù hợp với yêu cầu và hoàn cảnh của đời sống đô thị.

**Câu về số lượng**, kết quả nghiên cứu 30 doanh nghiệp ở 07 phường, trong đó tập trung nhiều nhất ở Lê Bình (chiếm 40%) còn lại tập trung ở các phường Ba Láng, Phú Thứ, Tân Phú (thông tin chi tiết xem phụ lục 14, trang 38). Trong đó tập trung ở các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, loại hình công ty TNHH, Công ty cổ phần và doanh nghiệp tư nhân chiếm 80%, chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 36,2%. Thương mại chiếm 19,4% và Nông nghiệp chiếm 16,7%, còn lại ở các lĩnh vực xây dựng, dịch vụ,... Các doanh nghiệp tham gia cung cấp thông tin với số năm hoạt động trung bình khoảng 8,0 năm, chủ yếu đặt trên địa bàn từ khi thành lập đến nay (trung bình 7,67 năm) và **số lao động trung bình trên doanh nghiệp khoảng 36 người** và vốn kinh doanh trung bình gần 3,6 tỷ đồng. Kết quả cho thấy quy mô các doanh

## **THÀNH TỰU HOẠT ĐỘNG KH&CN**

nghiệp trên địa bàn nhỏ, sử dụng lao động ít, nếu ước lượng cho tổng thể khoảng 400 doanh nghiệp trên địa bàn thì giải quyết về số lượng cho khoảng 14.400 lao động, chiếm tỷ lệ 25,53% so với tổng số người trong độ tuổi lao động (năm 2010: 56.402 người) và chiếm 38,13% trên tổng số lao động trong độ tuổi có tham gia lao động (2010: 37.760 người<sup>4</sup>), cung lao động về số lượng vượt cầu lớn.

**Chất lượng lao động hiện tại**, đặc điểm lao động hiện tại ở các doanh nghiệp khảo sát có đến trên 60% là lao động có trình độ từ phổ thông trung học trở xuống, tỷ lệ từ cao đẳng trở lên chưa đến 25%, chủ yếu tập trung lao động phổ thông, tay nghề giản đơn. Trong đó, có trên 70% lao động tại địa phương và trong thành phố Cần Thơ. Nhìn chung người lao động đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại, nhưng khả năng đáp ứng yêu cầu cao hơn và sự sáng tạo trong công việc còn hạn chế.

Dự báo số lượng về cầu lao động trong thời gian tới, theo kết quả khảo sát từ các doanh nghiệp trên địa bàn phản hồi tỷ lệ tăng thêm đến năm 2015 trung bình khoảng: 25% (tăng thêm mỗi năm khoảng 2,0 người, số lượng tăng không đáng kể) và đến năm 2020 tỷ lệ trung bình khoảng 20%. So với dự báo nhu cầu lao động tăng thêm của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ<sup>5</sup> trong các năm tiếp theo trung bình: 9,3 lao động/ doanh nghiệp. Trong đó, mỗi doanh nghiệp nhà nước tăng thêm 6,4 lao động, doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng thêm 9,5 lao động, doanh nghiệp có vốn nước ngoài tăng thêm 16 lao động. Như vậy, mỗi năm nhu cầu mới về số lượng của các doanh nghiệp trên địa bàn chỉ giải quyết được khoảng 4,13% lao động thất nghiệp (720/18.420 người).

**Tương thích cung - cầu**, cung vượt cầu về số lượng, chất lượng lao động còn thấp (trình độ, tay nghề chuyên môn), dự báo tình trạng này sẽ tiếp tục gia tiếp diễn và gia tăng chênh lệch ngày càng cao do cầu về số lượng không nhiều (số lượng doanh nghiệp ít, quy mô nhỏ).

---

<sup>4</sup> Nguồn: Phòng LĐTBXH Cái Răng 2010.

<sup>5</sup> Nguồn: Báo cáo tổng kết, đề tài: Đánh giá lực lượng lao động nông thôn và đề xuất giải pháp đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Cần Thơ”, ThS. Trương Thị Ngọc Chi. 2012.